

Bản án số: 377/2025/DS-PT

Ngày 25-4-2025.

V/v “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng.

Ông Lê Hoàng Tấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Xuân Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2025/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 940/2025/QĐPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị B, sinh năm 1966; địa chỉ: A ấp E, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1968; địa chỉ: 6 Đ, Phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt)

- **Bị đơn:** Văn phòng C; địa chỉ: B Ấp B, Phường E, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bạch Văn H, Trưởng Văn phòng. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Phan Thị L, sinh năm 1944; địa chỉ: A Ấp E, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

+ Nguyễn Thị N1, sinh năm 1964; địa chỉ: E T, ấp C, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

+ Nguyễn Văn H1, sinh năm 1971; địa chỉ: D đường số A, khu phố A, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

+ Nguyễn Thị Bé M, sinh năm 1966; địa chỉ: tổ H, ấp B, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

+ Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố M, tỉnh Tiền Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Hồng L1, Giám đốc; địa chỉ: số C H, Phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (xin vắng mặt)

+ Bạch Văn H, sinh năm 1964; địa chỉ: số C H, Phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

+ Nguyễn Hữu T, sinh năm 1958. (xin vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A T, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Nguyễn Thị Thanh V, sinh năm 1988; địa chỉ: F B, H, Q, Australia. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Văn phòng C, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Nhà và đất tại số G L, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (gọi tắt là nhà đất số G) là tài sản chung của cha mẹ bà là cụ Nguyễn Văn N2 và cụ Phan Thị Lệ .

Ngày 19/4/2015, cụ N2 chết. Ngày 13/11/2015, cụ L và các chị em bà tự ý lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản do cha bà chết để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số G, tại Văn phòng C, cho cụ L được thừa kế toàn bộ nhà đất nêu trên. Việc thỏa thuận phân chia này bà hoàn toàn không biết, cũng không được ai thông báo. Sau khi khởi kiện tại Tòa án, bà mới biết việc cụ L chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T, rồi ông T chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Thanh V.

Do Văn phòng C công chứng hồ sơ thừa kế không đúng quy định vì thiếu sự thỏa thuận của bà, là một trong những người được hưởng di sản thừa kế của cụ N2, nhưng lại có chữ ký, dấu vân tay của bà trong văn bản thỏa thuận nêu trên nên bà yêu cầu Tòa án buộc Văn phòng C bồi thường thiệt hại cho bà kỷ phần thừa kế theo pháp luật mà bà được hưởng là $\frac{1}{5}$ giá trị phần di sản thừa kế mà cụ N2 để lại ($\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số G).

Bị đơn Văn phòng C trình bày:

Ngày 02/10/2015, Văn phòng C có tiếp nhận và thụ lý hồ sơ của người yêu cầu công chứng là cụ bà Phan Thị L, yêu cầu công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia phần di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N2 (chồng của cụ L) chết để lại là một phần nhà đất số 75 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 151267, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00232 do Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp ngày

24/11/2010. Văn phòng C thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu T trình bày:

Năm 2017, ông có mua của cụ Phan Thị L nhà đất số G với giá khoảng hơn 2.000.000.000 đồng. Hợp đồng mua bán được công chứng theo quy định của pháp luật. Năm 2020, ông đã tặng cho chị Nguyễn Thị Thanh V nhà và đất này. Trong giao dịch này, ông là người thứ ba ngay tình nên được pháp luật bảo vệ.

Bà Nguyễn Thị B yêu cầu Văn phòng C bồi thường thiệt hại, không liên quan đến quyền lợi của ông nên ông không có ý kiến gì đối với vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Phan Thị L trình bày:

Cụ là mẹ ruột của bà Nguyễn Thị Bạch .1 Nguồn gốc nhà đất số 75 do bà mua của UBND Tỉnh. Năm 2017, bà lập hợp đồng chuyển nhượng nhà đất này cho ông Nguyễn Hữu T với giá hơn 2.000.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B là không có cơ sở để chấp nhận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn H1 trình bày:

Ngày 13/11/2015, ông có đến Văn phòng C ký văn bản phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N2 giao nhà đất số G cho cụ Phan Thị L mà không có điều kiện gì. Tại đây, chỉ có mặt cụ Phan Thị L, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị Bé M và ông vì bà Nguyễn Thị B bị bệnh nên không có mặt. Bà Nguyễn Thị N1 và nhân viên của Văn phòng công chứng đến nhà bà Nguyễn Thị B để bà ký tên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bé M trình bày

Ngày 13/11/2015, bà có đến Văn phòng C ký văn bản phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N2 giao nhà đất số 75 cho cụ Phan Thị Lệ . Khi lập văn bản phân chia di sản, bà không nhớ rõ những ai có mặt do thời gian đã lâu.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch .1 Buộc Văn phòng C bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.275.998.600 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền, nghĩa vụ thi hành án, án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2024, Văn phòng C kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và phát biểu tranh luận:

Văn phòng C thực hiện đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định, tiến hành niêm yết tại U, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (nơi thường trú cuối cùng của cụ Nguyễn Văn N2) cho đến khi kết thúc thời gian niêm yết không có xảy ra tranh chấp khiếu nại. Đến ngày 13/11/2015, tất cả những người thừa kế hàng thứ nhất theo quy định pháp luật của cụ Nguyễn Văn N2 còn lại gồm: cụ bà Phan Thị L và tất cả các con của cụ ông Nguyễn Văn N2 gồm: bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị

B, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Bé M thỏa thuận và đồng ý ký tên vào Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế số công chứng 1981, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD5. Theo đó, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Bé M đồng ý nhượng lại toàn bộ phần di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Văn N2 cho cụ bà Phan Thị Lệ .

Toàn bộ quá trình công chứng Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế số công chứng 1981, quyền số 01/2015TP/CC-SCC/HĐGD5 nêu trên Văn phòng C có đảm bảo thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Tất cả những người thừa kế của cụ ông Nguyễn Văn N2 gồm: cụ bà Phan Thị L, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị Bé M trực tiếp có mặt cùng ký tên, điểm chỉ vào Văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế nêu trên trước mặt Công chứng viên.

Bà Nguyễn Thị B cho rằng Văn phòng C gây thiệt hại cho bà và yêu cầu bồi thường, nhưng hiện tại tài sản là do các hàng thừa kế của cụ Nguyễn Văn N2 quản lý, sử dụng, Văn phòng C không nhận bất kỳ quyền lợi gì trong khối tài sản này nên việc yêu cầu Văn phòng C bồi thường là không hợp lý.

Ngoài ra, Văn phòng C đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của bà B, cụ thể: Ngày 26/10/2020, Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang đã thụ lý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bạch .1 Biên nhận ông Nguyễn Hữu T hoàn trả cho cụ Phan Thị L số tiền nộp thuế còn dư ngày 16/8/2017 thì bà Nguyễn Thị B có ký tên nên bà Nguyễn Thị B đã biết quyền lợi của mình bị ảnh hưởng từ ngày 16/8/2017. Như vậy, đến ngày 26/10/2020 thì đã hết thời hiệu khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn đối với Bị đơn là có căn cứ pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Bị đơn, đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của Văn phòng C làm trong hạn luật định, đủ điều kiện để thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt (bà Nguyễn Thị Hồng L1, cụ Phan Thị L, bà Nguyễn Thị Bé M) và các đương sự khác không liên quan đến kháng cáo

(bà Nguyễn Thị H2 và chị Nguyễn Thị Thanh V) nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

Về yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện: Văn phòng C công chứng Văn bản phân chia tài sản thừa kế ngày 13/11/2015. Năm 2020, bà Nguyễn Thị B mới biết được quyền, lợi ích của mình bị xâm phạm và khởi kiện vụ án dân sự nên theo quy định tại khoản 1 Điều 588 của Bộ luật Dân sự, thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, thấy rằng: Vợ chồng cụ Nguyễn Văn N2 và cụ Phan Thị L có quyền sử dụng thửa đất số 370, tờ bản đồ số 10, diện tích 87m² và căn nhà gắn liền với đất tại số G đường L, Phường D, thành phố M, tỉnh Tiền Giang được UBND thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00232 ngày 24/11/2010.

Ngày 19/4/2015, cụ Nguyễn Văn N2 chết, đến ngày 02/10/2015, cụ Phan Thị L có văn bản yêu cầu Văn phòng C công chứng khi nhận di sản của cụ Nguyễn Văn N2.

[3] Ngày 05/10/2015, Văn phòng C ban hành Thông báo số 245/2015/TB-NYTSTK về việc khai nhận di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N2, đồng thời ban hành Văn bản số 245/2015/CV-NYTSTK gửi U, thành phố M, niêm yết Thông báo nêu trên và được U, thành phố M, tỉnh Tiền Giang xác nhận ngày 21/10/2015 có nội dung: *“Qua kiểm tra số lưu trong khoản thời gian ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1942 còn sống cho đến ngày 19/4/2015, ông Nguyễn Văn N2 không có lập di chúc tại U, không có nhận đơn khiếu nại, tranh chấp về việc khai nhận di sản thừa kế, không có thêm người thừa kế nào khác”*. Nội dung xác nhận này không phải là thủ tục niêm yết Thông báo số 245 nêu trên.

Ngày 13/11/2015, Văn phòng C công chứng văn bản phân chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N2. Hồ sơ công chứng thể hiện, bà Nguyễn Thị N1, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị Bé M tự nguyện nhường ký phần thừa kế của mình cho cụ Phan Thị L, có chữ ký tên, viết họ tên và lấn tay của từng người.

[4] Theo Văn phòng C, thì bà Nguyễn Thị B cũng có ký tên, ghi họ tên và lấn tay vào văn bản phân chia di sản thừa kế của cụ N2 tại văn phòng công chứng, nhưng bà B không thừa nhận. Lời khai của ông Nguyễn Văn H1 tại Biên bản ghi lời khai ngày 13/6/2024 xác định khi lập văn bản phân chia tài sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn N2 (công chứng ngày 13/11/2015), thì bà Nguyễn Thị B không có mặt, và ông không biết sau đó bà B có ký tên, điểm chỉ hay không, còn bà Nguyễn Thị Bé M khai (tại Biên bản ghi lời khai ngày 03/7/2024), bà không nhớ những ai có mặt khi lập thủ tục công chứng văn bản phân chia tài sản thừa kế của cụ N2.

[5] Theo Kết luận giám định số 70/KHHS/D2 ngày 02/02/2021, Phòng K Công an tỉnh T kết luận: *“không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Nguyễn Thị B trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Thị B trên tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M9 có phải do một người ký ra không; chữ viết họ tên “Nguyễn Thị B” trên tài liệu trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết họ tên “Nguyễn Thị B” trên tài liệu mẫu ký hiệu M2, M3, M6, M9 không phải do*

một người viết ra; dấu vân tay in dưới chữ ký và chữ viết họ tên “Nguyễn Thị B” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với điểm chỉ vân tay mười ngón in trên tài liệu mẫu ký hiệu M10, M11 không phải là dấu vân tay do cùng một người in ra.” Như vậy, có cơ sở xác định bà B không tham gia vào văn bản phân chia tài sản thừa kế của cụ N2.

[6] Mặt khác, khoản 3, 4 Điều 57 Luật Công chứng quy định: (3)...*Tổ chức hành nghề công chứng có trách nhiệm niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản trước khi thực hiện việc công chứng;* (4) *Văn bản thỏa thuận phân chia di sản đã được công chứng là một trong các căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký việc chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản cho người được hưởng di sản”. Và khoản 1 Điều 18 Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ quy định: “Việc thụ lý công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản phải được niêm yết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết. Việc niêm yết do tổ chức hành nghề công chứng thực hiện tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã...”. Khi công chứng văn bản phân chia tài sản thừa kế của cụ N2, Văn phòng C đã không thực hiện việc niêm yết việc thụ lý công chứng văn bản này là không đúng với quy định trên.*

[7] Văn phòng C thực hiện thủ tục công chứng Văn bản phân chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Văn N2 không đúng quy định của pháp luật, dẫn đến hậu quả bà Nguyễn Thị B bị thiệt hại về tài sản là kỷ phần thừa kế mà bà B được hưởng từ cụ Nguyễn Văn N2 trong khối tài sản chung của cụ N2 và cụ L. Do đó, theo quy định tại Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Văn phòng C phải bồi thường cho bà B.

[8] Thiệt hại của bà B được xác định: Di sản của cụ N2 là $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số 75, được chia thành 05 kỷ phần cho: cụ L, bà N1, bà B, ông H1 và bà M. Theo Chứng thư Thẩm định giá ngày 07/8/2023 của Công ty TNHH T1 thì giá trị nhà đất số 75 là 12.759.986.000 đồng. Như vậy, giá trị di sản bà B được hưởng là 1.275.998.600 đồng (12.759.986.000đồng : 10). Văn phòng C phải bồi thường cho bà Thị B số tiền trên.

[9] Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với Bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[12] Về án phí phúc thẩm: Văn phòng C phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của Văn phòng C. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự; Điều 57 của Luật Công chứng; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B với bị đơn Văn phòng C.

Buộc Văn phòng C bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 1.275.998.600 (một tỉ hai trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm) đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí phúc thẩm: Văn phòng C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA, NTK.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Tuấn